

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1990
Trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

*** Bị đơn:** Anh **Lê Văn N**, sinh ngày 1984
Trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Bùi Thị L** và anh **Lê Văn N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn N thống nhất thuận tình ly hôn.
- **Về con chung:** Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn N thống nhất có 02 con chung là:
 - + Lê Huyền T, sinh ngày 02/9/2009
 - + Lê Khánh V, sinh ngày 26/10/2011.

Hai bên thỏa thuận: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng Lê Khánh V, anh N trực tiếp nuôi dưỡng Lê Huyền T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị L, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn N thống nhất: Chị L chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0006329 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị L được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS Huyện Như Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Lê Đình Huy